

Số: 07/NQ-HĐND

Phổ Nhơn, ngày 29 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về biện pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỔ NHƠN
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Trên cơ sở xem xét báo cáo số 150/BC-UBND ngày 21/12/2020 của UBND xã về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021; Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 28/12/2020 của Ủy ban nhân dân xã về đề nghị thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 24/BC-BAN KTXH ngày 24/12/2020 của Ban kinh tế xã hội HĐND xã; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-BPC ngày 28/12/2020 của Ban pháp chế HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2021. Hội đồng nhân dân xã nhấn mạnh một số vấn đề sau đây:

1. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2020:

Năm 2020 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2020 – 2025. Để ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, địa phương đã nỗ lực phấn đấu cả hệ thống chính trị để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 trên các lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác phòng chống dịch bệnh; cháy rừng; chống hạn; phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn được triển khai kịp thời, công tác an sinh xã hội đảm bảo. Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên.

Nhìn chung, về tình hình kinh tế địa phương có tăng lên, tổng thu nhập kinh tế xã hội đạt 250,237 tỷ đồng vượt 0,09% nghị quyết và vượt 9,04% so với năm 2019. Bình quân thu nhập đầu người 41,2 triệu đồng/người/năm vượt 0,5% NQ và tăng 9% so với năm 2019, bình quân lương thực đầu người 466kg/người vượt 24,3 % NQ và vượt 25,6% so với năm 2019.

Tuy nhiên, trong triển khai nhiệm vụ vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

- Việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND xã và kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi còn chưa nghiêm túc. Tinh thần trách nhiệm của một số ít cán bộ, công chức có lúc chưa cao; công tác phối hợp giữa các ngành trong thực hiện một số nhiệm vụ chưa tốt, công tác tham mưu của một số ngành chưa đạt yêu cầu về chất lượng giải quyết công việc cũng như tiến độ thực hiện.

- Một số chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp không đạt theo chỉ tiêu đã đề ra, như: tổng diện tích gieo sạ, năng suất, sản lượng của cây lúa, mì, mía không đạt.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm không đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

- Công tác giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp của nhân dân vẫn còn chậm; công tác hòa giải ở các thôn còn nhiều hạn chế; hòa giải chưa kịp thời hoặc có tổ chức nhưng đạt hiệu quả chưa cao.

- Công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã đạt thấp so với chỉ tiêu giao.

- Công tác xây dựng NTM còn nhiều mặt hạn chế, việc huy động xã hội hóa để thực hiện xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

- Công tác vận động các hộ dân hiến đất, cây cối, hoa màu để xây dựng các công trình, dự án hiệu quả chưa cao.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp nhất là lĩnh vực an ninh nông thôn, chất lượng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc còn hạn chế.

- Tỷ lệ chống lệnh gọi khám nghĩa vụ quân sự của thanh niên trong độ tuổi còn cao, chưa có biện pháp, giải pháp hữu hiệu để xử lý, hạn chế tối thiểu lệnh chống gọi khám.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp; là năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025; Qua đó Phố Nhơn cũng là địa phương được Thị xã xác định sẽ về đích Nông thôn mới. Tuy nhiên dự báo vẫn còn những thuận lợi và khó khăn thách thức đang xen, đại dịch Covid-19, hạn hán, bão lụt sẽ tác động không nhỏ đến sự phát triển của địa phương. Trong bối cảnh đó đòi hỏi cấp ủy, chính quyền và toàn thể nhân dân trong xã cần xác định và có quyết tâm cao để vượt qua khó khăn, thử thách để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.

a) Mục tiêu của năm 2021 là:

Mục tiêu tổng quát của năm 2021 là tiếp tục ổn định kinh tế-xã hội, bảo đảm tốc độ tăng trưởng, phát triển bền vững; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu:

b1. Về kinh tế:

- Tăng trưởng kinh tế (tính theo giá so sánh năm 2010) là 9,1%, trong đó: Nông – lâm nghiệp là 5,04%; Thương mại – Dịch vụ là 35,76% và Công nghiệp – xây dựng là 3,17%.

- Cơ cấu ngành kinh tế:

+ Nông – lâm nghiệp: 75,7%

+ Thương mại – Dịch vụ: 17,3%

+ Công nghiệp – xây dựng: 7,0%

- Cây lúa: Diện tích: 588,562 ha.

+ Năng suất: 55 tạ/ha, Sản lượng: 3.237 tấn.

- Cây mía: Diện tích: 29 ha.

+ Năng suất: 60 tấn/ha, Sản lượng: 1.740 tấn.

- Cây mì: Diện tích: 65 ha.

+ Năng suất: 200 tạ/ ha, Sản lượng: 1.300tấn.

- Cây đậu: Diện tích: 141 ha.

+ Năng suất: 16 tạ/ha, Sản lượng: 225 tấn.

- Cây bắp: Diện tích: 99 ha.

+ Năng suất: 48 tạ/ha, Sản lượng: 475 tấn.

- Chăn nuôi:

+ Đàn Trâu Bò: 3.100 con.

+ Đàn lợn: 500 con.

+ Đàn gia cầm: 36.400 con.

- Tỷ lệ tiêm phòng đạt trên 90%

- Khai thác rừng trồng: 20.000 tấn.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021 là 285 triệu đồng.

- Thu ngân sách xã: 6.924.000.000 đồng. Trong đó ngân sách cấp trên hỗ trợ 6.646.000.000 đồng.

- Tổng chi ngân sách xã 6.924.000.000 đồng. Chi thường xuyên: 6.833.000.000 đồng, dự phòng chi: 91.000.000 đồng.

- Trong năm, phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; điều hành dự toán chi tiết kiệm đảm bảo nhiệm vụ chính trị địa phương.

- Phấn đấu năm 2021: Tổng thu nhập kinh tế - xã hội: 270 tỷ đồng; bình quân thu nhập đầu người: 43 triệu đồng/người/năm. Bình quân lương thực đầu người: 380 kg/người/năm.

b2. Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ổn định mức 8‰.

- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn 5 %.

- Tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng còn 6 %.
- Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2021 đạt theo chuẩn tiếp cận đa chiều, đạt chuẩn nông thôn mới; đảm bảo chỉ tiêu UBND thị xã giao.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt: 55 %.
- Tỷ lệ bảo hiểm Y tế toàn dân 92 %.
- Hộ gia đình văn hoá ổn định mức 90% - 95%, thôn văn hoá 100%, cơ quan trường học văn hoá: 100%.
- Trẻ em đúng độ tuổi đến trường 100%.

b3. Về quốc phòng – an ninh

- Công tác huấn luyện, dự bị động viên đạt 95%;
- Công tác tuyển quân đạt chỉ tiêu trên giao;
- Xây dựng lực lượng dân quân đạt tỉ lệ theo quy định;
- Công tác giáo dục quốc phòng an ninh đạt 100%;
- Xây dựng xã vững mạnh về Quốc phòng – an ninh.

3. Những nhiệm vụ - giải pháp chủ yếu:

a) Triển khai sản xuất năm 2021, chú trọng công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, công tác tưới tiêu, chống hạn; chỉ đạo Hợp tác xã cung ứng giống lúa, chú trọng đến giống ngắn ngày và năng suất cao phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương, đảm bảo diện tích đưa vào gieo trồng, chỉ đạo Hợp tác xã nâng cao công tác hỗ trợ cho nhân dân trong sản xuất nông nghiệp. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; khuyến khích phát triển các mô hình áp dụng tiên bộ khoa học trong sản xuất có năng suất cao. Duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm, khuyến khích các hình thức chăn nuôi theo mô hình tập trung. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, các loại cây trồng để hạn chế thấp nhất thiệt hại. Tăng cường chỉ đạo công tác phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô, công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

b) Tổ chức thực hiện tốt dịch vụ thủy lợi đảm bảo nước tưới cho cây trồng, nạo vét tu sửa kênh mương ở các đập bồi, đập kiên cố để phục vụ công tác sản xuất.

c) Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trong năm 2021, phấn đấu đạt chuẩn vào cuối năm 2021.

d) Tăng cường công tác quản lý đất đai, hoàn thành việc lập hệ thống hồ sơ quản lý đất công ích và các loại đất khác do UBND xã quản lý, sử dụng theo Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

e) Hoàn thành dứt điểm công tác cải tạo đồng ruộng ở xứ đồng Na Liên để nghiệm thu đưa vào sử dụng; đưa vào quy hoạch để cải tạo các xứ đồng: Nghĩa Từ; Đất Thổ (Nhơn Bích), Đồng Miếu (Phước Lợi).

f) Chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả việc thu ngân sách đạt chỉ tiêu do UBND thị xã và HĐND xã giao; điều hành dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định, tiết kiệm chi; cân đối nhiệm vụ thu – chi; tích cực khai thác các nguồn thu trên địa bàn xã, truy

thu các khoản nợ từ những năm trước. Huy động tối đa nguồn lực trong nhân dân cùng với Nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới. Thống nhất tiếp tục vận động hộ khai thác rừng trồng đóng góp vào ngân sách. Số tiền đóng vào ngân sách xã sử dụng vào mục đích: sửa chữa giao thông và hỗ trợ công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

g) Nâng cao công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trên hệ thống Đài truyền thanh xã. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” ngày càng đi vào chiều sâu, tổ chức xét công nhận danh hiệu gia đình văn hoá chặt chẽ và có chất lượng, đề nghị Thị xã công nhận thôn, cơ quan văn hóa.

h) Chỉ đạo các bậc học tổ chức tốt việc giảng dạy, học tập, tiếp tục duy trì và giữ vững chuẩn PCGDMN cho trẻ 5 tuổi, vận động trẻ em đến độ tuổi phải đến trường, hạn chế thấp nhất tỉ lệ học sinh bỏ học. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “hai không” với bốn nội dung của ngành giáo dục phát động, quan tâm giáo dục học sinh ý thức không vi phạm các tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông. Quan tâm xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào cuối năm 2021.

i) Thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là chính sách bảo đảm an sinh xã hội, chính sách đối với người có công, chính sách người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tập trung vận động thực hiện BHYT toàn dân đạt 90%; tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân, thực hiện các chương trình y tế quốc gia, giữ vững xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế, quản lý dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý tốt các bệnh xã hội...chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc, phương tiện để ứng phó kịp thời nếu có dịch bệnh, thiên tai xảy ra. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình, ổn định tỉ lệ tăng dân số tự nhiên, giảm tỉ lệ sinh con thứ 3, tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

k) Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, thực hiện áp dụng cơ chế một cửa theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP để phục vụ nhân dân một cách hiệu quả và chất lượng nhất: ứng dụng phần mềm một cửa dùng chung, ứng dụng phần mềm Office trong quản lý sử dụng văn bản. Đánh giá phân loại cán bộ, công chức năm 2021; Tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư kiến nghị, phản ánh (đạt 85% trở lên), tiếp tục triển khai các văn bản Luật, các chủ trương chính sách mới nhằm tăng cường sự hiểu biết cho nhân dân.

l) Chỉ đạo và triển khai tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã, phối hợp chặt chẽ với các ngành hội đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội, tăng cường chỉ đạo và thực hiện công tác đảm bảo an toàn giao thông, chỉ đạo cho lực lượng Công an tăng cường công tác tuần tra, truy quét các loại tội phạm. Giữ vững và tăng cường nền quốc phòng, quân sự địa phương. Thực hiện tốt các bước còn lại trong công tác gọi công dân nhập ngũ, đảm bảo chỉ tiêu giao quân năm 2021; tăng cường công tác xử lý công dân vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự; xây dựng lực lượng Dân quân theo đúng quy định; huy động dự bị

động viên, dân quân tự vệ tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện đảm bảo số lượng và đạt chất lượng; thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2021 đảm bảo, an toàn.

m) Làm tốt công tác Hộ tịch, công tác chứng thực theo Nghị định 23/NĐ-CP và một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền khác; tuyên truyền, phổ biến các luật đã có hiệu lực thi hành trong những năm trước và các Luật mới có hiệu lực thi hành, các văn bản liên quan thiết thực đến đời sống của nhân dân.

n) Tổ chức hội nghị tổng kết tình hình kinh tế xã hội năm 2021 và triển khai nhiệm vụ năm 2022, đồng thời thực hiện công tác thi đua khen thưởng. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động trong bộ máy hành chính, củng cố bộ máy hành chính, nâng cao năng lực của công chức chuyên môn. Chấn chỉnh lề lối làm việc, tổ chức phát động phong trào thi đua cơ sở và tổng kết cụm thi đua, tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Thường xuyên bám sát Nghị quyết của Đảng bộ để có giải pháp cụ thể hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra; phối hợp với Mặt Trận thực hiện qui chế phối hợp để các mặt công tác đạt kết quả cao; các hội đoàn thể căn cứ vào nhiệm vụ UBND xã đề ra để xây dựng kế hoạch giải pháp phối hợp vận động quần chúng nhân dân thực hiện; các ban ngành thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo tháng, quý, năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực HĐND xã, các Ban HĐND xã và đại biểu HĐND xã thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị xã hội của xã theo chức năng thực hiện việc giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được HĐND xã Phổ Nhơn khoá XII, nhiệm kỳ 2016 – 2021 kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND TX Đức Phổ (b/c);
- Phòng Tư pháp TX Đức Phổ;
- TV Đảng uỷ;
- TT HĐND xã; UBND xã;
- UB Mặt trận TQVN, các hội Đoàn thể chính trị-xã hội xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khoá XII;
- Ban ngành của xã; 05 trưởng thôn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Cảnh



PHỤ LỤC



(Kèm theo Báo cáo số: 150/BC-UBND ngày 21/12/2020 của UBND xã Phô Nhon)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Năm 2020						Kế hoạch 2021		Năm 2021 So với năm 2020 (%)	
				Kế hoạch giao năm 2020		Thực hiện cả năm 2020	So sánh TH năm 2020 năm 2019 (%)	So sánh với KH (%)		Huyện giao	Xã giao	Huyện giao	Xã giao
				Huyện giao	HĐND Xã giao			Huyện giao	HĐND Xã giao				
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9=7/5	10=7/6	11	12	13=11/7	14=12/7
I	NÔNG, LÂM NGHIỆP												
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng											
a)	Nông - Lâm nghiệp	Tỷ đồng	168,060	61	250,69	253,065	151		100,95		265,810		105,04
b)	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	21,300	294	23,68	24,568	115		103,75		25,348		103,17
c)	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	30,238	376	45,76	44,864	148		98,04		60,907		135,76
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn												
	Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn											
	Trong đó: + Thóc	Tấn	2237	3190	3085	2405	108	75	78		3237		134,59
	+ Ngô	Tấn	209	228	216	425	203	186	197		475		111,76
a)	Lúa cả năm: - Diện tích	Ha	462,063	550	582,079	479,706	104	87	82		588,562		122,69
	- Năng suất	Tạ/ha	49,9	58	53	50,15	101	86	95		55		109,67
	- Sản lượng	Tấn	2237	3190	3085	2405	108	75	78		3237		134,59
b)	Ngô: - Diện tích	Ha	41	40	45	83,5	204	209	186		99		118,56
	- Năng suất	Tạ/ha	51	57	48	51	100	89	106		48		94,12
	- Sản lượng	Tấn	209	228	216	425	203	186	197		475		111,76
c)	Sắn: - Diện tích	Ha	108,5	80	170	109	100	136	64		65		59,63
	- Năng suất	Tạ/ha	190	190	200	190	100	100	95		200		105,26
	- Sản lượng	Tấn	2061	1520	3400	2071	100	136	61		1300		62,77
d)	Mía: - Diện tích	Ha	261	101	61	61	23	60	100		29		47,54
	- Năng suất	Tấn/ha	34,4	55	60	47,5	138	86	79		60		126,32

	- Sản lượng	Tấn	8.979	5555	3.660	2.898	32	52	79	1.740	60,04
đ)	Lạc: - Diện tích	Ha	28	25	32	55,5				141	254,05
	- Năng suất	Tạ/ha	18	21,5	16	18	100	84	113	16	88,89
	- Sản lượng	Tấn	50,4	54	51,2	99,9	198	185	195	225	225,23
3	Khai thác gỗ rừng trồng	Tấn	27.050	1.119	35.000	57.201	211	5112	163	30.000	52,45
4	VỀ CHĂN NUÔI										
	Tổng đàn trâu, bò	Con	2.501	3.030	3.100	2.692	108	89	87	3.100	115,16
	Tỉ lệ lai	%	97	94		97	100	103		97	100,00
	Tổng đàn lợn	Con	500	300	500	401	80	134	80	500	124,69
	Tổng đàn dê	Con									
	Tổng đàn gia cầm	Con	25.611		36.400	30.209	118		83	36.400	120,49
5	Tài chính Ngân sách										
	Tổng thu	Tr. đồng	239,112	284	298	270,085	113	95	91	285	105,52
II	VĂN HÓA XÃ HỘI										
1	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa										
	Hộ gia đình văn hóa	%	93,2	90	95	96,1	103	107	101	95	98,86
	Thôn văn hóa	%	100	100	100	100	100	100	100	100	100,00
2	Y tế										
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,4	0,8	0,8	0,031	8	4	4	0,8	2580,65
	Tỷ lệ BHYT toàn dân	%	85,12	87	86	88,83	104	102	103	90	101,32
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	7,5	7,4	6	7,4	99	100	123	6	81,08
	Tỷ lệ sinh con thứ 3	%	8,3		5	12,5	151		250	5	40,00
3	Lao động và giảm nghèo	%									
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	40		42	52	130	52	124	55	105,77
	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới	%	5,43	4,92		4,35	80	88			
III	Tổng thu nhập KTXH	Tỷ đồng	170,897		250	250,237	146		250	270	107,90
IV	Bình quân thu nhập/người/năm	Tr. đồng	37,8		41	41,2	109		100	43	104,37
V	Bình quân lương thực/người/năm	Kg/người	371		375	466	126		124	380	81,55